TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 07/02/2020
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia;
2. Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 06/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ: 169 phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thủy T - Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã A, tỉnh Gia Lai (theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội). Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A 1, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/7/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thủy T trình bày:

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 07/4/2014, Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng Giao dịch thị xã A, tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N vay 30.000.000đ. Các bên thỏa thuận lãi suất vay là 0,8%/tháng, lãi quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay nuôi bò sinh sản, hình thức vay tín chấp. Các bên thỏa

thuận số kỳ trả gốc là 03 lần, định kỳ 12 tháng trả 10.000.000đ. Anh M, chị N đã nhận tiền vay ngày 08/4/2014. Đến hạn nhưng do không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng đã gia hạn nợ đến ngày 09/7/2018, tuy nhiên anh M, chị N vẫn không trả. Do vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh M, chị N phải trả tiền gốc còn nợ là 30.000.000đ và tiền lãi quá hạn chưa trả tính đến ngày 07/02/2020, theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N vắng mặt và không có ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N, địa chỉ: Thôn A 1, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay giữa Ngân hàng và anh M, chị N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N.

[3] Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có căn cứ xác định giữa Ngân hàng và anh M đã xác lập giao dịch vay tài sản, thời hạn vay từ 08/4/2014 đến ngày 09/7/2018, lãi suất 0,8%/tháng. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, đến hạn nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bên cho vay khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo Sổ vay vốn xác định người vay là anh Nguyễn Ngọc M còn chị Nguyễn Thị N tham gia với tư cách là người thừa kế. Tuy nhiên không có căn cứ chứng minh anh Nguyễn Ngọc M đã chết nên chưa có căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật về thừa kế tại Điều 611 và Điều 614 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, theo mục đích vay thể hiện tại Giấy đề nghị vay vốn đã được phê duyệt ngày 07/4/2014 thể hiện là chăn nuôi bò sinh sản nên xác định mục đích vay tiền này là nhằm sử dụng chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản đối với nghĩa vụ mà vợ hoặc chồng phải thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới với anh Nguyễn Ngọc M trong việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng trong hợp đồng này.

[5] Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ và thẻ theo dõi giao dịch tiền vay có căn cứ xác định anh M vay 30.000.000đ và đã trả tiền lãi từ thời

điểm vay cho đến ngày 09/7/2018 và trả 300.000đ tiền lãi vào ngày 27/9/2019. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc còn nợ là 30.000.000đ và tiền lãi chưa trả tính đến ngày 07/02/2020 theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay theo hợp đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy cần buộc anh M và chị N phải liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo thỏa thuận bằng 130% lãi suất vay theo hợp đồng trong thời gian từ ngày 09/7/2018 đến ngày 07/02/2020, tương ứng với số tiền là: (30.000.000đ x 0,8 x 130% x 12/365 x 579 ngày) – 300.000đ = 5.639.000đ.

[6] Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là (30.000.000đ + 5.639.000đ) x 5% = 1.782.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng Giao dịch thị xã A, tỉnh Gia Lai số tiền gốc vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi quá hạn là 5.639.000đ (năm triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N phải liên đới trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị N phải liên đới nộp 1.782.000đ (một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (07/02/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo